TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH QUẢNG NGÃI

Số: 40 /HD-LĐLĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 6 năm 2017

HƯỚNG DẪN
Xây dựng báo cáo tổng kết nhiệm kỳ hoạt động của Ủy ban Kiểm tra Công đoàn các cấp

Căn cứ Hướng dẫn số 329/HD-UBKT ngày 16/3/2017 của Ủy ban Kiểm tra Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, về xây dựng báo cáo tổng kết nhiệm kỳ hoạt động của Ủy ban Kiểm tra Công đoàn các cấp; Kế hoạch số 38/KH-LĐLĐ ngày 20/01/2017 của Liên đoàn Lao động tỉnh Quảng Ngãi về tổ chức Đại hội Công đoàn các cấp tiến tới Đại hội XIII Công đoàn tỉnh và Đại hội XII Công đoàn Việt Nam, nhiệm kỳ 2018-2023.

Để thống nhất bố cục và nội dung báo cáo, Liên đoàn Lao động tỉnh định hướng một số nội dung xây dựng báo cáo tổng kết nhiệm kỳ hoạt động của Ủy ban Kiểm tra Công đoàn các cấp trong tỉnh như sau:

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG BÁO CÁO TỔNG KẾT

- Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội Công đoàn cùng cấp về công tác kiểm tra và những định hướng hoạt động của Ủy ban Kiểm tra Công đoàn cấp trên.

- Căn cứ vào kết quả hoạt động của Ủy ban Kiểm tra Công đoàn trong nhiệm kỳ qua, Ủy ban Kiểm tra Công đoàn tổng hợp xây dựng báo cáo hoạt động, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của Ủy ban Kiểm tra trong nhiệm kỳ qua; xác định phương hướng, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ tới. Dự thảo báo cáo phải được tập thể Ủy ban Kiểm tra thảo luận, hoàn thiện và trình Ban Chấp hành Công đoàn cùng cấp.

II. NỘI DUNG BÁO CÁO

Báo cáo nhiệm kỳ hoạt động Ủy ban Kiểm tra xây dựng thành hai phần cơ bản:

Phần I: ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TRA, NHIỆM KỲ...

Trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội Công đoàn cấp mình cần tập trung vào một số nội dung như sau:

1. Về công tác tổ chức, hướng dẫn chỉ đạo:

- Phản ánh được số lượng Ủy ban Kiểm tra; cán bộ Ủy ban Kiểm tra; kết quả phân loại hoạt động và những biến động về tổ chức, cán bộ của Ủy ban Kiểm tra.

- Việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 33/KH-LĐLĐ ngày 22/10/2015 của Liên đoàn Lao động tỉnh triển khai quán triệt, thực hiện Nghị quyết 06b/NQ-TLĐ của Tổng Liên đoàn về "Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động Ủy ban Kiểm tra Công đoàn.

- Công tác hướng dẫn, chỉ đạo Ủy ban Kiểm tra công đoàn cấp dưới.

- Đánh giá những việc làm được, chưa làm được và nguyên nhân của công tác tổ chức cán bộ, công tác hướng dẫn, chỉ đạo.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ kiểm tra:

2.1. Đối với nhiệm vụ giúp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ kiểm tra việc chấp hành Điều lệ Công đoàn: *Nêu rõ số cuộc kiểm tra ở cùng cấp, cấp dưới, nội dung kiểm tra chủ yếu; nhận xét đánh giá tình hình thực hiện; tác dụng của kiểm tra).*

2.2. Đối với kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm Điều lệ, chỉ thị, nghị quyết và các quy định của công đoàn: *Nêu rõ số cuộc kiểm tra với tổ chức, cá nhân, cùng cấp, cấp dưới; nội dung kiểm tra; kết quả kiểm tra, tổng số vi phạm, nội dung vi phạm, số phải xử lý kỷ luật và các hình thức kỷ luật; tác dụng của kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm; nhận xét đánh giá tình hình vi phạm (nếu có).*

2.3. Đối với nhiệm vụ kiểm tra việc thu, phân phối, sử dụng, quản lý tài chính, tài sản và hoạt động các đơn vị sự nghiệp, kinh tế Công đoàn: *Nêu rõ số cuộc kiểm tra ở cùng cấp và cấp dưới; nội dung kiểm tra; kết quả kiểm tra (truy nộp, kiến nghị xử lý...), tác dụng của kiểm tra; nhận xét, đánh giá ưu điểm, khuyết điểm trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản và các hoạt động đơn vị sự nghiệp, kinh tế của Công đoàn.*

2.4. Đối với nhiệm vụ giúp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ giải quyết và tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo: *Tình hình tiếp đoàn viên, công nhân lao động; việc giải quyết và tham gia giải quyết khiếu nại tố cáo; nêu rõ số đơn thư đã được tiếp nhận và giải quyết; nhận xét đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ giải quyết, tham gia giải quyết khiếu nại tố cáo và kết quả, tác dụng của việc giải quyết.*

2.5. Đối với nhiệm vụ bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ công tác kiểm tra đối với ủy viên Ủy ban Kiểm tra Công đoàn cùng cấp và cấp dưới, cán bộ kiểm tra: *Nêu rõ số lớp, số cán bộ được bồi dưỡng, số cán bộ được hướng dẫn nghiệp vụ; đánh giá nhận xét về công tác bồi dưỡng, hướng dẫn.*

2.6. Đánh giá các hoạt động khác của Ủy ban Kiểm tra theo Nghị quyết của Đại hội Công đoàn cấp mình đề ra.

3. Đánh giá chung: Ưu điểm; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; rút ra bài học kinh nghiệm.

4. Những kiến nghị, đề xuất thông qua hoạt động kiểm tra:

- Các kiến nghị, đề xuất với Công đoàn cấp trên.

- Các kiến nghị, đề xuất với tỉnh, Tổng Liên đoàn và với Đảng, Nhà nước (nếu có).

Phần II: PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CÔNG TÁC KIỂM TRA TRONG NHIỆM KỲ TỚI, NHIỆM KỲ...

Căn cứ vào tình hình thực tế của đơn vị để đề ra chương trình công tác nhiệm kỳ tới cho phù hợp, cần bám sát một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu sắc về vị trí, vai trò, ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác kiểm tra; nâng cao nhận thức và tăng cường sự lãnh đạo của Ban Chấp hành, sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Công đoàn các cấp đối với tổ chức và hoạt động Ủy ban Kiểm tra Công đoàn.

2. Kiểm tra, giám sát là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng, nhằm giúp cho lãnh đạo Công đoàn các cấp trong công tác quản lý, đảm bảo phòng ngừa và ngăn chặn các hành vi vi phạm về Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị và các quy định của Công đoàn; Ủy ban

Kiểm tra Công đoàn các cấp phải chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch công tác kiểm tra, giám sát, xử lý kỷ luật cán bộ và giải quyết khiếu nại, tố cáo cả nhiệm kỳ và cụ thể hóa hàng năm.

3. Tiếp tục đổi mới phương pháp hoạt động Ủy ban Kiểm tra, tăng cường số lượng và nâng cao chất lượng các cuộc kiểm tra; lựa chọn nội dung kiểm tra phù hợp, có trọng tâm, trọng điểm; bảo đảm nguyên tắc và quy trình kiểm tra; chú trọng công tác kiểm tra quản lý, sử dụng tài chính, tài sản, hoạt động của các đơn vị sự nghiệp, kinh tế của Công đoàn; thực hiện nghiêm việc kỷ luật đối với cán bộ, đoàn viên Công đoàn khi có sai phạm.

4. Thường xuyên kiện toàn, củng cố tổ chức, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ Ủy ban Kiểm tra Công đoàn các cấp đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam; nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ Ủy ban Kiểm tra Công đoàn; đảm bảo điều kiện làm việc và cơ chế chính sách phù hợp đối với cán bộ Ủy ban Kiểm tra Công đoàn.

Ủy ban Kiểm tra Liên đoàn Lao động huyện, thành phố, Công đoàn ngành và tương đương, Công đoàn cơ sở trực thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban Kiểm tra Công đoàn cơ sở trực thuộc thực hiện và tổng hợp báo cáo hoạt động của Ủy ban Kiểm tra Công đoàn cấp mình (*kèm theo 05 phụ lục báo cáo theo mẫu của Liên đoàn Lao động tỉnh)*, để báo cáo với Ban Chấp hành Công đoàn cùng cấp; đồng thời gửi báo cáo về Ủy ban Kiểm tra Liên đoàn Lao động tỉnh (qua Văn phòng Ủy ban Kiểm tra) ***trước ngày 15/9/2017*** để tổng hợp làm báo cáo chung gửi Ủy ban Kiểm tra Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc phản ảnh về Ủy ban Kiểm tra Liên đoàn Lao động tỉnh để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:
- UBKT Tổng Liên đoàn;
- Thường trực LĐLĐ tỉnh;
- Các Ban chuyên môn LĐLĐ tỉnh;
- LĐLĐ huyện, TP, CĐ ngành và tương đương, CĐCS trực thuộc LĐLĐ tỉnh;
- Lưu: VT, UBKT.

TM. BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

BCH LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH QUẢNG NGÃI

Nguyễn Đồng

Mẫu phụ lục báo cáo

(Kèm theo Hướng dẫn số: 40 /HD-LĐLĐ ngày 07.../..6. /2017 của Liên đoàn Lao động tỉnh về xây dựng báo cáo tổng kết nhiệm kỳ hoạt động của Ủy ban Kiểm tra Công đoàn các cấp trong tỉnh)

LĐLĐ HUYỆN, TP, CĐ NGÀNH VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG, CĐCS .....

Phụ lục số 1

TỔ CHỨC ỦY BAN KIỂM TRA CÔNG ĐOÀN

(Ghi rõ số liệu của từng năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017)

TT	Cấp công đoàn	Năm thực hiện	Tổng số UBKT hiện có	Tổng số Uỷ viên và cán bộ UBKT hiện có	Trong đó			Tổng số UBKT phân loại (nếu có)	Trong đó				
					Nữ	Chuyên trách	Số đã bồi dưỡng N.vụ		Loại xuất sắc	Loại tốt	Loại khá	Loại TB	Loại yếu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	LĐLĐ huyện, TP, CĐ ngành và tương đương	Năm 2013 Năm 2014 Năm 2015 Năm 2016 Năm 2017											
2	CĐCS và Nghiệp đoàn trực thuộc LĐLĐ huyện, TP, CĐ ngành và tương đương	Năm 2013 Năm 2014 Năm 2015 Năm 2016 Năm 2017											
3	CĐCS trực thuộc LĐLĐ tỉnh	Năm 2013 Năm 2014 Năm 2015 Năm 2016 Năm 2017											
	Tổng cộng	Năm 2013 Năm 2014 Năm 2015 Năm 2016 Năm 2017											

....., ngày ... tháng ... năm 2017

TM. ỦY BAN KIỂM TRA

LĐLĐ HUYỆN, TP, CĐ NGÀNH VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG, CĐCS .....

Phụ lục số 2

KẾT QUẢ KIỂM TRA
CHẤP HÀNH ĐIỀU LỆ CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM
(Ghi rõ số liệu của từng năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017)

Số TT	Cấp công đoàn	Năm thực hiện	Tổng số cuộc kiểm tra Điều lệ	Trong đó		Qua kiểm tra việc chấp hành Điều lệ Công đoàn cho thấy		Ghi chú
				Kiểm tra ở cấp mình	Kiểm tra cấp dưới	Những điều chấp hành tốt	Những điều chấp hành chưa tốt	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	LĐLĐ huyện, TP, CĐ ngành và tương đương	Năm 2013 Năm 2014 Năm 2015 Năm 2016 Năm 2017						
2	CĐCS và Nghiệp đoàn trực thuộc LĐLĐ huyện, TP, CĐ ngành và tương đương	Năm 2013 Năm 2014 Năm 2015 Năm 2016 Năm 2017						
3	CĐCS trực thuộc LĐLĐ tỉnh	Năm 2013 Năm 2014 Năm 2015 Năm 2016 Năm 2017						
	Tổng cộng							
	Tỷ lệ (%)							

....., ngày ... tháng ... năm 2017

TM. ỦY BAN KIỂM TRA

LĐLĐ HUYỆN, TP, CĐ NGÀNH VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG, CĐCS .....

Phụ lục số 3

KẾT QUẢ KIỂM TRA KHI CÓ DẤU HIỆU VI PHẠM ĐIỀU LỆ, NGHỊ QUYẾT, CHỈ THỊ VÀ CÁC QUY ĐỊNH CỦA CÔNG ĐOÀN

(Ghi rõ số liệu của từng năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017)

TT	Cấp công đoàn	Năm thực hiện	Số cuộc kiểm tra				Số vi phạm		Số bị xử lý kỷ luật						
			K.tra ở cùng cấp		K.tra cấp dưới		Tổ chức	Cán bộ, đoàn viên	Tổ chức			Đoàn viên			
			Tổ chức	Cán bộ, đoàn viên	Tổ chức	Cán bộ, đoàn viên			Khiển trách	C.ảnh cáo	Giải tán	Khiển trách	Cảnh cáo	Cách chức	Khai trừ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	LĐLĐ huyện, TP, CĐ ngành và tương đương	Năm 2013 Năm 2014 Năm 2015 Năm 2016 Năm 2017													
2	CĐCS và Nghiệp đoàn trực thuộc LĐLĐ huyện, TP, CĐ ngành và tương đương	Năm 2013 Năm 2014 Năm 2015 Năm 2016 Năm 2017													
3	CĐCS trực thuộc LĐLĐ tỉnh	Năm 2013 Năm 2014 Năm 2015 Năm 2016 Năm 2017													
	Tổng cộng														
	Tỷ lệ (%)														

....., ngày ... tháng ... năm 2017

TM. ỦY BAN KIỂM TRA

LĐLĐ HUYỆN, TP, CĐ NGÀNH VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG, CĐCS .....

Phụ lục số 4

KẾT QUẢ KIỂM TRA QUẢN LÝ SỬ DỤNG TÀI CHÍNH, TÀI SẢN VÀ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CÔNG ĐOÀN

(Ghi rõ số liệu của từng năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017)

Số TT	Cấp công đoàn	Năm thực hiện	Kiểm tra đồng cấp						Kiểm tra cấp dưới						Ghi chú
			Số lần kiểm tra	Truy nộp 2% KPCĐ	Truy nộp 1% ĐP	T. nộp để ngoài sổ KT	Truy nộp khác	Tổng truy nộp	Số lần kiểm tra	Truy nộp 2% KPCĐ	Truy nộp 1% ĐP	T. nộp để ngoài sổ KT	Truy nộp khác	Tổng truy nộp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	LĐLĐ huyện, TP, CĐ ngành và tương đương	Năm 2013 Năm 2014 Năm 2015 Năm 2016 Năm 2017													
2	CĐCS và Nghiệp đoàn trực thuộc LĐLĐ huyện, TP, CĐ ngành và tương đương	Năm 2013 Năm 2014 Năm 2015 Năm 2016 Năm 2017													
3	CĐCS trực thuộc LĐLĐ tỉnh	Năm 2013 Năm 2014 Năm 2015 Năm 2016 Năm 2017													
	Tổng cộng														
	Tỷ lệ (%)														

....., ngày ... tháng ... năm 2017

TM. ỦY BAN KIỂM TRA

LĐLĐ HUYỆN, TP, CĐ NGÀNH VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG, CĐCS .....

Phụ lục số 5

KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT VÀ THAM GIA GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

(Ghi rõ số liệu của từng năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017)

Số TT	Cấp công đoàn	Năm thực hiện	Số lượt người đến KN, TC	Số đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Công đoàn				Số đơn thư KN, TC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Nhà nước và các tổ chức khác				Kết quả							
				Số đơn khiếu nại		Số đơn tố cáo		Số đơn khiếu nại		Số đơn tố cáo		Số người được trở lại làm việc	Số người được hạ mức kỷ luật	Số người được giải quyết các quyền lợi khác					
				Số đơn nhận được	Số đơn được giải quyết	Số đơn nhận được	Số đơn được giải quyết	Số đơn nhận được	Số đơn được CĐ tham gia g/q	Số đơn nhận được	Số đơn được CĐ tham gia g/q			Số tiền bồi thường, hỗ trợ (ngàn đồng)	Số người được g/q về lương	Số người được g/q về BHXH	Số người được g/q về BHYT	Số người được g/q về BHTN	Số người được giải quyết về trợ cấp thôi việc
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
1	LĐLĐ huyện, TP, CĐ ngành và tương đương	Năm 2013 Năm 2014 Năm 2015 Năm 2016 Năm 2017																	
2	CĐCS và Nghiệp đoàn trực thuộc LĐLĐ huyện, TP, CĐ ngành và tương đương	Năm 2013 Năm 2014 Năm 2015 Năm 2016 Năm 2017																	
3	CĐCS trực thuộc LĐLĐ tỉnh	Năm 2013 Năm 2014 Năm 2015 Năm 2016 Năm 2017																	
	Tổng cộng																		
	Tỷ lệ (%)																		

....., ngày ... tháng ... năm 2017

TM. ỦY BAN KIỂM TRA